TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 308/2026/DS-ST

Ngày: 19-8-2026

V/v Tranh chấp yêu cầu hủy văn bản chia thừa kế, thừa kế về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan;

2. Ông Lê Xuân Cúc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2025/TLST-DS, ngày 06 tháng 10 năm 2025 về Tranh chấp yêu cầu hủy văn bản chia thừa kế, thừa kế về tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông D:

1. Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 17/10/2025) – có mặt.

2. Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp P, xã D, tỉnh Tây Ninh (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 22/4/2026) - vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1966; địa chỉ: Khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố T, xã B, tỉnh Bắc Ninh (có đơn đề nghị vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 01/10/2025, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến D và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Mẹ ông là cụ Nguyễn Thị T3, sinh năm 1940, mất năm 2018 để lại 01 phần đất diện tích 206,7m^2, thuộc thửa số 543, tờ bản đồ số 34, tọa lạc ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 và số tiền trong sổ tiết kiệm 60.000.000 đồng.

Mẹ ông có tổng cộng 06 người con:

1. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1966.

2. Nguyễn Văn C, sinh năm 1968, mất năm 2021.

3. Nguyễn Tiến D, sinh năm 1972.

4. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979.

5. Nguyễn Thái H, sinh năm 1970.

6. Nguyễn Thị T2, sinh năm 1982.

Theo Văn bản thỏa thuận phân chia sản thừa kế ngày 24/8/2018, các anh của ông gồm 05 người cùng thống nhất lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế để phần diện tích 206,7m^2, thuộc thửa số 543, tờ bản đồ số 34 tọa lạc ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh) cho ông và bà Nguyễn Thị Đ cùng đứng tên chủ sử dụng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để gìn giữ và làm nơi thờ cúng ông bà cha mẹ, không ai được bán cả; số tiền 60.000.000 đồng giao cho bà T2, sau đó các anh em của ông đã sử dụng số tiền này vào mục đích chung hết, nên không yêu cầu đối với số tiền này nữa; ông T1 và ông H từ chối nhận di sản.

Sau khi xem lại hồ sơ ông phát hiện là Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 24/8/2018 thiếu ý kiến của ông C do thời điểm đó ông C

bị bệnh thần kinh nhẹ nhưng do gia đình không có đưa đi khám bệnh nên không có giấy tờ bệnh án và ông C không có giấy chứng minh nhân dân. Đến năm 2021 ông C mới bị bệnh thiếu máu, thiếu hồng huyết cầu và mất năm 2021.

Ông đã đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phía Văn phòng đăng ký đã ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do một mình ông đứng tên phần đất diện tích 206,7m^2, thuộc thửa số 543, tờ bản đồ số 34, tọa lạc ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp cho chủ sử dụng Nguyễn Tiến D ngày 21/5/2019. Đến ngày 19/9/2023, ông tặng cho quyền sử dụng phần đất trên cho con trai là Nguyễn Phi L1 và anh L1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/10/2023. Sau đó ông và bà Đào Đ1 làm thủ tục chỉnh lý hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông và bà Đ cùng đứng tên chủ sử dụng ngày 17/6/2025.

Phần đất này sau đó do bà Đ trực tiếp quản lý, sử dụng, giỗ oải hàng năm do các ông em của ông cùng lo liệu nhưng đến 02 năm gần đây xảy ra tranh chấp nên nhà ai nấy làm giỗ. Hiện nay do bản thân không có nhà ở ổn định phải đi ở trọ nên ông yêu cầu phân chia giá trị tài sản chung để ông có điều kiện ổn định cuộc sống.

Nay ông yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 24/8/2018; yêu cầu chia thừa kế về tài sản do cụ T3 để lại như sau: Ông yêu cầu chia phần giá trị đất thành 05 phần bằng nhau cho 05 ông bà em còn sống, ông yêu cầu được nhận giá trị tài sản đối với phần của ông được hưởng và phần của bà T2 giao lại cho ông là 358.783.465 đồng.

Đối với tài sản trên đất, ông thừa nhận là bà Đ có sửa chữa thêm nhưng nhà cũ của mẹ ông vẫn ở sử dụng được chỉ bị dột ở phía trước, đã được tô phía trong của phòng khách nhà cũ của mẹ ông xây dựng khoảng năm 2015 khoảng 100.000.000 đồng. Phía trước có nhà mát, hàng rào, khấu hao đến năm 2022 còn khoảng 63.000.000 đồng ông cũng yêu cầu chia thành 05 phần bằng nhau, ông nhận phần của ông và bà T2 là 25.200.000 đồng.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Bà thống nhất với lời khai của ông D về mối quan hệ nhân thân và tài sản và việc phân chia tài sản ngày 24/8/2018. Trong Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 24/8/2018 có chia cho số tiền 60.000.000 đồng thực tế là số tiền đó chỉ có 50.000.000 đồng đến sau này các ông bà em không

thống nhất nữa nên toàn bộ số tiền này về chia đều cho các ông bà em, mỗi người được 6.000.000 đồng, phần còn lại sử dụng để lo cho ông C khi ông C bị bệnh.

Các ông bà em thống nhất là bà và ông D cùng đứng tên chủ sử dụng để gìn giữ khối tài sản chung này, giữ lại để thờ cúng cha mẹ. Từ ngày 24/8/2018, bà là người trực tiếp trông nom, quản lý và sử dụng phần nhà đất trên, hàng năm lo giỗ oải.

Đến năm 2019, bà phát hiện một mình ông D đã tự ý sang tên chủ sử dụng quyền sử dụng phần đất trên cho ông D, đến năm 2023 ông D sang tên cho Nguyễn Phi L1 là con trai của ông D khi chưa được sự đồng ý của bà. Đến Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh D1 hỏi rõ sự việc thì mới được chỉnh lý lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng đứng tên bà và ông D như bây giờ.

Đối với căn nhà trên đất, do trước đó mẹ bà xây dựng đơn sơ, không tô, sử dụng tole cũ nên bị dột nát, cột kèo đòn tay bị mục, nhà xuống cấp. Đến năm 2022, bà đã liên hệ với thợ xây sửa lại toàn bộ căn nhà phía trước, xây thêm nhà tắm nhà vệ sinh và nhà tạm bên hông với tổng chi phí là 345.000.000 đồng (có hợp đồng xây dựng ngày 16/6/2022 bà đã nộp cho Tòa án). Toàn bộ chi phí sửa chữa nhà do một mình bà lo liệu, ông D không có hỗ trợ phần nào cả. Phần nhà phía sau và tường rào phía trước bà xây dựng sau chi phí thêm khoản 100.000.000 đồng, bà không nhớ rõ cụ thể, bà yêu cầu sử dụng giá theo giá chứng thư thẩm định giá.

Tại thời điểm năm 2018, ông C tình trạng sức khỏe bình thường nhưng ông C không có vợ con, ít va chạm với xã hội, ít nói chuyện. Tại thời điểm này ông C không có bệnh, đến năm 2021 ông C mới bị bệnh thiếu hồng huyết cầu và mất. Các ông em của bà đưa hồ sơ cho ông D đi làm thủ tục và ông D nói ông C không có giấy chứng minh nhân dân nên không đưa tên ông C vào Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 24/8/2018.

Nay đối với yêu cầu của ông D, bà đồng ý hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 24/8/2018; yêu cầu chia thừa kế về tài sản do cụ T3 để lại như sau: Bà yêu cầu chia thành 06 phần bằng nhau cho 05 ông bà em của bà và 01 phần chia công sức gìn giữ đóng góp của bà. Ông T1 và ông H đồng ý giao lại phần được hưởng cho bà nên bà yêu cầu được nhận tổng cộng 04 phần là 597.972.442 đồng. Bà yêu cầu được nhận di sản và thối lại

phần ông D được nhận cho ông D.

Đối với căn nhà Căn nhà cũ của mẹ bà đã hư hỏng nặng, bà hầu như đã sửa chữa lại toàn bộ nên bà yêu cầu toàn bộ phần công trình trên đất do bà có công sức quản lý, gìn giữ, sữa chửa lại đều là của bà nên bà yêu cầu được khấu trừ toàn bộ phần công trình xây dựng trên đất theo chứng thư thẩm định giá là 443.963.865 đồng. Bà không đồng ý chia căn nhà cũ như ông D yêu cầu

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 trình bày:*

Ông thống nhất với lời khai của ông D về mối quan hệ nhân thân và tài sản và việc phân chia tài sản ngày 24/8/2018.

Ngày 24/8/2018, các anh em của ông gồm 05 người cùng thống nhất lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế để phần diện tích 206,7m^2, thuộc thửa số 543, tờ bản đồ số 34, tọa lạc ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh) cho ông D và bà Đ cùng đứng tên chủ sử dụng để gìn giữ và làm nơi thờ cúng ông bà cha mẹ; số tiền 60.000.000 đồng giao cho bà T2; ông và ông H từ chối nhận di sản.

Tại thời điểm năm 2018, ông C ít nói chuyện với người ngoài, tình trạng sức khỏe bình thường không có bị bệnh gì liên quan đến thần kinh cả, đến năm 2021 ông C mới bị bệnh thiếu hồng huyết cầu và mất. Các ông em của ông đưa hồ sơ cho ông D đi làm thủ tục và ông D nói C không có giấy chứng minh nhân dân nên không đưa tên ông C vào Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 24/8/2018.

Nay ông đồng ý hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 24/8/2018; yêu cầu chia thừa kế về tài sản do cụ T3 để lại như sau: Ông yêu cầu chia thành 06 phần bằng nhau cho 05 ông bà em của ông và 01 phần chia công sức gìn giữ đóng góp của bà Đ. Đối với phần ông được nhận ông giao lại cho bà Đ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thái H trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của ông D về mối quan hệ nhân thân và tài sản và việc phân chia tài sản ngày 24/8/2018.

Ngày 24/8/2018, các anh em của ông gồm 05 người cùng thống nhất lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế để phần diện tích 206,7m^2, thuộc thửa số 543, tờ bản đồ số 34, tọa lạc ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây

Ninh (nay là khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh) cho ông D và bà Đ cùng đứng tên chủ sử dụng để gìn giữ và làm nơi thờ cúng ông bà cha mẹ; số tiền 60.000.000 đồng giao cho bà T2; ông và ông T1 từ chối nhận di sản.

Tại thời điểm năm 2018, ông C ít nói chuyện với người ngoài, tình trạng sức khỏe bình thường không có bị bệnh gì liên quan đến thần kinh cả, đến năm 2021 ông C mới bị bệnh thiếu hồng huyết cầu và mất. Các ông em của ông đưa hồ sơ cho ông D đi làm thủ tục và ông D nói C không có giấy chứng minh nhân dân nên không đưa tên ông C vào Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 24/8/2018.

Nay ông đồng ý hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 24/8/2018; yêu cầu chia thừa kế về tài sản do cụ T3 để lại như sau: Ông yêu cầu chia thành 06 phần bằng nhau cho 05 ông bà em của ông và 01 phần chia công sức gìn giữ đóng góp của bà Đ. Đối với phần ông được nhận ông giao lại cho bà Đ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của ông D về mối quan hệ nhân thân và tài sản và việc phân chia tài sản ngày 24/8/2018.

Ngày 24/8/2018, các anh em của bà gồm 05 người cùng thống nhất lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế để phần diện tích 206,7m^2, thuộc thửa số 543, tờ bản đồ số 34, tọa lạc ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh) cho ông D và bà Đ cùng đứng tên chủ sử dụng để gìn giữ và làm nơi thờ cúng ông bà cha mẹ; số tiền 60.000.000 đồng giao cho bà quản lý nhưng thực tế số tiền này chỉ có 50.000.000 đồng đã lấy chia đều cho các anh chị em và chữa bệnh cho ông C; ông T1 và ông H từ chối nhận di sản.

Nay bà đồng ý hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 24/8/2018; yêu cầu chia thừa kế về tài sản do cụ T3 để lại như sau: Bà yêu cầu chia phần giá trị đất thành 05 phần bằng nhau cho 05 ông bà em còn sống, đối với phần bà được nhận, bà giao lại cho ông D được hưởng.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 123, điểm a, b khoản 1, khoản 3 Điều 651 Bộ luật Dân sự, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

+ Tuyên bố vô hiệu Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 24/8/2018.

+ Chia quyền sử dụng đất thửa đất số 543, tờ bản đồ số 34, có diện tích 206,7m², tọa lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào số cấp GCN CN8846 do Văn phòng Đ2 chi nhánh huyện D1, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 17/06/2025 cho ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị Đ thành 06 phần bằng nhau cho 06 người gồm Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Tiến D, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thái H, Nguyễn Thị Tuyết . Mỗi kỷ phần có giá trị 896.958.663 đồng/6 phần = 149.493.000 đồng. Ghi nhận, ông H và ông T1 giao kỷ phần của mình cho bà Đ, bà T2 giao kỷ phần của mình cho ông D.

Đối với phần của ông C, do ông C đã chết và không có những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự tại thời điểm mở thừa kế nên hàng thừa kế thứ hai là 05 anh chị em ruột gồm Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tiến D, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thái H, Nguyễn Thị T2 được hưởng thừa kế của ông C theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 651 Bộ luật Dân sự. Mỗi kỷ phần có giá trị 149.493.000 đồng/5 phần = 29.898.600 đồng. Ghi nhận, ông H và ông T1 giao kỷ phần của mình cho bà Đ, bà T2 giao kỷ phần của mình cho ông D.

Không chấp nhận yêu cầu chia di sản đối với công trình trên đất. Bà Đ được quyền sở hữu toàn bộ công trình trên đất.

Do quyền sử dụng đất không đủ điều kiện để tách thửa theo quy định tại Quyết định 49/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh T và xét các tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bà Đ nên cần giao cho bà Đ nhận hiện vật và giao lại cho ông D phần giá trị của kỷ phần mà ông D được nhận (Bao gồm phần của bà T2 cho ông D).

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản thừa kế; thừa kế về tài sản" được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thái H, ông Nguyễn Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và ông T1.

[2] Về nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Tiến D yêu cầu chia tài sản chung với bà Nguyễn Thị Đ. Quá trình giải quyết vụ án ông D thay đổi yêu cầu thành yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 24/8/2018, yêu cầu chia thừa kế do cụ T3 để lại là phần đất diện tích 206,7m^2, thuộc thửa số 543, tờ bản đồ số 34, tọa lạc ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh).

[2.1] Căn cứ vào Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 24/8/2018, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 02527540, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CN 8846 được Chi nhánh Văn phòng Đ2 cấp cho chủ sử dụng Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Tiến D ngày 17/6/2025 cùng lời trình bày của các đương sự về nguồn gốc đất cho thấy quyền sử dụng phần đất phần đất diện tích 206,7m^2, thuộc thửa số 543, tờ bản đồ số 34, tọa lạc ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh) là di sản của cụ Nguyễn Thị T3 để lại, các đương sự đều thừa nhận là tình tiết không phải chứng minh.

Năm 2018, cụ T3 chết không để lại di chúc. Ngày 24/8/2018, người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T3 gồm có 06 người nhưng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế chỉ có 05 người có ý kiến, thiếu ông Nguyễn Văn C do đó văn bản này bỏ sót người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất có quyền được hưởng di sản của cụ T3. Quá trình làm việc, tất cả những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T3 đều đồng ý hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 24/8/2018.

Do đó, Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 24/8/2018 vô hiệu theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Đối với yêu cầu chia thừa kế về tài sản:

Cụ T3 chết năm 2018 không để lại di chúc, do đó tại thời điểm mở thừa kế cụ T3 những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T3 gồm 06 người nên tài sản cụ T3 để lại sẽ được chia thành 06 phần bằng nhau, bao gồm: Ông T1, ông H, ông C, bà Đ, ông D và bà T2 mỗi người sẽ được nhận kỷ phần thừa kế đối với giá trị đất là 896.958.663 đồng : 6 = 149.493.111 đồng.

Ông C chết năm 2021, không có vợ con nên những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của ông C sẽ được nhận di sản của ông để lại bao gồm: Ông T1, ông H, bà Đ, ông D và bà T2 là 149.493.111 đồng : 5 = 29.898.622 đồng.

Ông T1 và ông H giao lại phần của mình được nhận cho bà Đ. Bà T2 yêu cầu giao lại phần của mình được nhận cho ông D.

Do đó, bà Đ được nhận tổng cộng là (149.493.111 đồng x 3) + (29.898.622 đồng x 3) = 538.175.198 đồng.

Ông D được nhận tổng cộng: (149.493.111 đồng x 2) + (29.898.622 đồng x 2) = 358.783.465 đồng.

Bà Đ hiện đang quản lý, sử dụng phần đất trên yêu cầu được nhận nhà, đất và giao phần giá trị tài sản ông D được nhận cho ông D; ông D cũng đồng ý nhận phần giá trị tài sản được hưởng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu về công sức gìn giữ, đóng góp:

Bà Đ yêu cầu chia cho bà phần công sức gìn giữ, đóng góp quản lý tài sản tương đương với 01 kỷ phần thừa kế: 896.958.663 đồng : 6 = 149.493.111 đồng.

Xét thấy, bà Đ không sinh sống trên đất chăm sóc cụ T3 lúc còn sống, quản lý di sản từ trước mà chuyển về sinh sống tại phần đất này từ lúc cụ T3 mất vào năm 2018 cùng với ông C ở trên đất. Đến năm 2021 ông C mất thì bà Đ một mình quản lý, sử dụng phần đất trên. Bà Đ không có nhà khác để ở nên việc ở trên phần đất tranh chấp là có lợi cho bà Đ và việc thờ cúng ông bà cha mẹ là lẽ tự nhiên của các con.

Do đó, không có đủ căn cứ để xem xét chia phần công sức gìn giữ, đóng góp, quản lý di sản cho bà Đ.

[2.4] Đối với yêu cầu chia căn nhà trên đất:

Ông D yêu cầu chia căn nhà cũ do cụ T3 để lại có giá trị khoản 63.000.000 đồng, ông yêu cầu chia đều thành 05 phần bằng nhau, ông yêu cầu được nhận phần của ông và phần của bà T2 tổng cộng 25.200.000 đồng.

Do căn nhà cũ đã được sữa chữa, cơi nới phần lớn không còn giữ hiện trạng ban đầu, ông D cũng không đưa ra đủ cơ sở để xác định trị giá căn nhà của cụ T3 để lại có giá trị bao nhiêu nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của ông.

Về căn nhà và các công trình khác trên đất theo chứng thư định giá 443.963.865 đồng phần lớn do bà Đ sữa chữa lại vào năm 2022 nên không chấp nhận yêu cầu của ông D đối với yêu cầu chia căn nhà trên đất, giao toàn bộ phần tài sản này cho bà Đ tiếp tục quản lý, sử dụng.

[2.5] Đối với số tiền 60.000.000 đồng:

Số tiền này được ghi trong Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 24/8/2018, các đương sự đều thống nhất đã lấy số tiền này ra sử dụng hết vào mục đích chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến D tuyên Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 24/8/2018 vô hiệu; Giao toàn bộ phần đất, nhà và các công trình trên phần đất diện tích 206,7m^2, thuộc thửa 543, tờ bản đồ số 34, tọa lạc ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh) cho bà Nguyễn Thị Đ quản lý, sử dụng.

Ông D và bà Đ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án. Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên Môi trường căn cứ vào quyết định của Tòa án để giải quyết thu hồi, điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Ông D có nghĩa vụ giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ để bà Đ điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Trong trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền kê khai đăng ký và yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Nguyễn Tiến D số tiền 358.783.465 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tiến D chia di sản đối với nhà và công trình trên đất, bà Nguyễn Thị Đ được quyền sở hữu toàn bộ công trình trên đất.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ đối với phần công sức gìn giữ, đóng góp, quản lý di sản.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà Đ phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 9.240.000 đồng, ông D phải chịu 6.610.000 đồng chi phí này ông D đã nộp nên bà Đ có trách nhiệm trả lại cho ông D 9.240.000 đồng.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Ông D phải chịu 17.939.000 đồng, bà Đ phải chịu 25.527.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 123, 649, 651, 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến D đối với bà Nguyễn Thị Đ về việc tranh chấp yêu cầu hủy văn bản chia thừa kế, thừa kế về tài sản.

Tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 24/8/2018 vô hiệu.

Giao toàn bộ phần đất, nhà và các công trình trên phần đất diện tích 206,7m^2, thuộc thửa 543, tờ bản đồ số 34, tọa lạc ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh) cho bà Nguyễn Thị Đ quản lý, sử dụng.

Ông D và bà Đ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án. Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên Môi trường căn cứ vào quyết định của Tòa án để giải quyết thu hồi, điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Ông D có nghĩa vụ giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ để bà Đ điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Trong trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền kê khai đăng ký và yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Nguyễn Tiến D số tiền 358.783.465 (Ba trăm năm mươi tám triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi lăm) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tiến D chia di sản đối với nhà và công trình trên đất, bà Nguyễn Thị Đ được quyền sở hữu toàn bộ công trình trên đất.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ đối với phần công sức gìn giữ, đóng góp, quản lý di sản.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Đ phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 9.240.000 đồng, ông D phải chịu 6.610.000 đồng chi phí này ông D đã nộp nên bà Đ có trách nhiệm trả lại cho ông D 9.240.000 đồng.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 25.527.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông D phải chịu 17.939.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0005886 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, ông D còn phải nộp thêm 15.439.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Ngọc Lan